

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 8079/UBND-TC ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 254/TTr-TC ngày 11/12/2021 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tài chính;
- Các phòng ban, Đoàn thể quận;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- UBND 11 phường;
- Website Quận 12;
- Lưu: (VT, Tầm).



Nguyễn Văn Đức

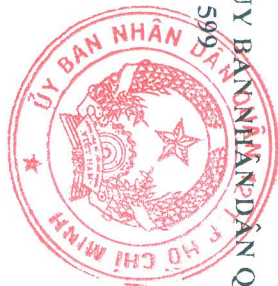


DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 248 /QĐ-UBND-TC, ngày 28 /12/2021 của UBND quận)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Son Ca 5	Vàng Anh	Bông Hồng	Hồng Yến	Son Ca 3	Son Ca 2	Son Ca 4	Son Ca 6	Son Ca 7	Họa Mĩ 1	Son Ca 8	Son Ca 9
1	2	3	4=5+...110	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí														
I	Số thu phí, lệ phí														
1	Lệ phí														
2	Phí														
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại														
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước														
1	Lệ phí														
2	Phí														
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	8.139	5.109	7.068	8.181	2.465	2.726	3.007	10.476	3.643	8.567	8.317	4.699
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	8.139	5.109	7.068	8.181	2.465	2.726	3.007	10.476	3.643	8.567	8.317	4.699
1	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225												
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ														
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	8.139	5.109	7.068	8.181	2.465	2.726	3.007	10.476	3.643	8.567	8.317	4.699
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906	5.889	3.694	5.115	6.032	1.788	2.014	2.243	7.548	2.612	6.104	6.059	3.401
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412	2.250	1.415	1.953	2.149	677	712	764	2.928	1.031	2.463	2.258	1.298

[illegible]



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 618 /QĐ-UBND-TC, ngày 18 /12/2021 của UBND quận)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Bé Ngoan	Sơn Ca 1	Bông Sen	Họa Mi 2	Sơn Ca	Họa Đào	Ngọc Lan	Mai Vàng	Họa Phòng Lan	Họa Đỗ Quyên	TH Trần Văn Ôn	TH Hồ Văn Thanh
1	2	3	4=5+...110	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí														
I	Số thu phí, lệ phí														
1	Lệ phí														
2	Phí														
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại														
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước														
1	Lệ phí														
2	Phí														
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	5.874	4.688	8.990	8.208	3.987	7.411	5.521	2.617	2.885	3.701	9.527	7.086
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	5.874	4.688	8.990	8.208	3.987	7.411	5.521	2.617	2.885	3.701	9.527	7.086
1	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225												
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ														
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	5.874	4.688	8.990	8.208	3.987	7.411	5.521	2.617	2.885	3.701	9.527	7.086
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906	4.295	3.423	6.613	5.938	2.851	5.283	4.014	2.090	2.178	2.816	7.652	5.656
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412	1.579	1.265	2.377	2.270	1.136	2.128	1.507	527	707	885	1.875	1.430



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 6248/QĐ-UBND-TC, ngày 28/11/2021 của UBND quận)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	TH Trần Quang Cơ	TH Nguyễn Văn Thệ	TH Phạm Văn Chiêu	TH Nguyễn Nguyên Trãi	TH Lê Văn Thọ	TH Nguyễn Thị Minh Khai	TH Thuận Kiều	TH Nguyễn Du	TH Nguyễn Khuyển	TH Quới Xuân	TH Quang Trung
1	2	3	4=5+...110	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí													
I	Số thu phí, lệ phí													
1	Lệ phí													
2	Phí													
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại													
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước													
1	Lệ phí													
2	Phí													
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	15.597	7.488	10.629	17.454	23.387	9.811	8.175	11.426	8.207	10.009	8.723
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	15.597	7.488	10.629	17.454	23.387	9.811	8.175	11.426	8.207	10.009	8.723
1	Chi quĩn lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225											
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ													
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ													
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ													
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	15.597	7.488	10.629	17.454	23.387	9.811	8.175	11.426	8.207	10.009	8.723
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906	12.502	6.063	8.474	13.973	18.785	7.793	6.466	9.121	6.367	8.063	6.976
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412	3.095	1.425	2.155	3.481	4.602	2.018	1.709	2.305	1.840	1.946	1.747

[illegible]



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 6248/QĐ-UBND-TC, ngày 28/12/2021 của UBND quận)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	TH Kim Đồng	TH Hà Huy Giáp	TH Võ Văn Tần	TH Trương Định	TH Nguyễn Thị Định	TH Nguyễn Thái Bình	TH Lý Tự Trọng	TH Võ Thị Sáu	TH Võ Thừa	THCS Nguyễn Văn Nghiêp	THCS Nguyễn Ảnh Thủ
1	2	3	4=5+...+110	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí													
I	Số thu phí, lệ phí													
1	Lệ phí													
2	Phí													
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại													
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước													
1	Lệ phí													
2	Phí													
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	15.157	14.947	11.129	5.539	8.125	14.928	9.659	6.136	5.222	11.362	8.234
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	15.157	14.947	11.129	5.539	8.125	14.928	9.659	6.136	5.222	11.362	8.234
1	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225											
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ													
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ													
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ													
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	15.157	14.947	11.129	5.539	8.125	14.928	9.659	6.136	5.222	11.362	8.234
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906	12.153	12.054	8.929	4.363	6.412	12.108	7.719	4.817	4.253	8.749	6.332
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412	3.004	2.893	2.200	1.176	1.713	2.820	1.940	1.319	969	2.613	1.902

[illegible]

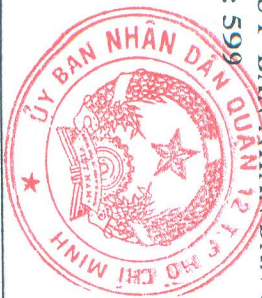


DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 648 /QĐ-UBND-TC, ngày 18 /12/2021 của UBND quận)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	THCS Phan Bội Châu	THCS Nguyễn An Ninh	THCS An Phú Đông	THCS Nguyễn Huệ	THCS Nguyễn Hiền	THCS Trần Quang Khải	THCS Lương Thế Vinh	THCS Trần Hưng Đạo	THCS Nguyễn Trung Trực	THCS Nguyễn Chí Thanh	THCS Hà Huy Tập
1	2	3	4=5+...110	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí													
I	Số thu phí, lệ phí													
1	Lệ phí													
2	Phí													
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại													
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước													
1	Lệ phí													
2	Phí													
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	19.557	20.613	11.646	20.518	21.423	18.678	9.814	11.890	11.938	8.611	8.547
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	19.557	20.613	11.646	20.518	21.423	18.678	9.814	11.890	11.938	8.611	8.547
1	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225											
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ													
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ													
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ													
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	19.557	20.613	11.646	20.518	21.423	18.678	9.814	11.890	11.938	8.611	8.547
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906	14.819	16.038	9.014	15.909	16.703	14.447	7.600	9.203	9.231	6.590	6.609
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412	4.738	4.575	2.632	4.609	4.720	4.231	2.214	2.687	2.707	2.021	1.938

[illegible]



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-UBND-TC, ngày 18/12/2021 của UBND quận)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	THCS Trần Phú	Trường BDGD	Trường Chuyên biệt Ánh Dương	Trung tâm GDNN-GDTX	Phòng TCKH	Văn phòng UBND	Phòng NV	Phòng VHTT	Phòng TNMT	Phòng YT
1	2	3	4=5+...110	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí												
I	Số thu phí, lệ phí												
1	Lệ phí												
2	Phí												
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại												
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước												
1	Lệ phí												
2	Phí												
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	4.970	2.136	5.530	9.470	54.553	13.207	9.198	3.016	5.242	4.572
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	4.970	2.136	5.530	9.470	54.553	13.207	9.198	3.016	5.242	4.572
I	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	4.665	13.207	8.378	2.889	4.479	3.372
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505					3.018	7.110	2.782	1.199	3.627	1.474
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225					1.647	6.097	5.596	1.690	852	1.898
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ												
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	4.970	2.136	5.530	9.470	0	0	820	0	0	0
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906	3.932	1.705	4.585	7.740						
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412	1.038	431	945	1.730			820			

[illegible]



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 6348 /QĐ-UBND-TC, ngày 28 /12/2021 của UBND quận)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thanh Tra	Phòng KT	Phòng TP	Phòng QLBT	Phòng GDDT	Phòng LĐTBXH	UBMT TQ	Quận Đoàn	Hội LHPN	Hội ND
1	2	3	4=5+...110	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí												
I	Số thu phí, lệ phí												
I	Lệ phí												
2	Phí												
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại												
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước												
I	Lệ phí												
2	Phí												
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	2.229	2.077	2.658	27.316	73.401	94.437	3.232	5.707	2.345	1.120
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	2.229	2.077	2.658	27.316	73.401	94.437	3.232	5.707	2.345	1.120
I	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	2.229	2.077	2.658	19.823	4.007	3.634	3.222	5.697	2.335	1.110
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505	1.369	1.369	1.696	9.667	3.201	2.322	1.984	1.907	1.685	813
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225	860	708	962	10.156	806	1.312	1.238	3.790	650	297
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ												
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	0	0	0	0	69.394	3.526	0	0	0	0
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906					5.000					
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412					64.394	3.526				

ĐVT: triệu đồng

[illegible]

Đơn vị: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
Chương: 599



**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 6248 /QĐ-UBND-TC, ngày 28 /12/2021 của UBND quận)

DVT: triệu chứng

[illegible]

[illegible]

[illegible]



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 6248 /QĐ-UBND-TC, ngày 18 /12/2021 của UBND quận)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Ban QLDA	Công an Quận 12	Ban BT GPMB	Ban Chỉ huy quân sự	DH SNKT	DH SNVH	DH QLNN	DH ANQP
I	2	3	4=5+...110	103	104	105	106	107	108	109	110
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí										
I	Lệ phí										
2	Phí										
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại										
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước										
I	Lệ phí										
2	Phí										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.207.397	1.207.397	106.233	4.495	552	4.000	11.799	1.238	18.799	176
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.207.397	1.207.397	106.233	4.495	552	4.000	11.799	1.238	18.799	176
I	Chi quản lý hành chính	218.730	218.730	0	0	0	0	0	0	18.799	0
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.505	92.505								
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.225	126.225							18.799	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ										
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	643.318	643.318	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	446.906	446.906								
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	196.412	196.412								

[illegible]